TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- ĐỒNG THÁP** Bản án số: 190/2025/HNGĐ-ST Ngày: 16-7-2025 V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Tuyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Bé Ba**.

2. Bà **Lê Thị Bé Bảy**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Phương**, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 157/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Văn Thị Kim N**, sinh năm 1992; (xin vắng mặt)

Căn cước công dân số: 082192014787

Địa chỉ: Ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn B**, sinh năm 1985; (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 082085004149

Địa chỉ: Ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Văn Thị Kim N trình bày:*

Chị và anh B cưới nhau vào năm 2013 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 80/2013, ngày 23/9/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau về tính cách, không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh cãi. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện tại, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Hoài A, sinh ngày 08/06/2014; hiện con đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Huỳnh Văn B đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.*

* Tại phiên tòa:

- Các đương sự vắng mặt nên không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể: Về hôn nhân, cho chị N được ly hôn với anh B do mâu thuẫn đã trầm trọng; về con chung, giao cháu Hoài A cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; về án phí, chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Văn Thị Kim N có đơn xin vắng mặt và bị đơn anh Huỳnh Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh B.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp. Đây là tranh chấp về "Ly hôn, yêu cầu nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 và Điều 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nội dung tranh chấp: Chị N cho rằng chị và anh B có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn và tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh B. Về con chung, chị N và anh B có 01 con chung đang sống với chị N nên chị N yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, chị N không có, về nợ chung không có.

[4] Xét yêu cầu của chị N:

[4.1] Về hôn nhân: Chị N và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 80/2013, ngày 23/9/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định thì "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Tuy nhiên, theo lời trình bày của chị N, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gay gắt từ đầu năm 2023, nguyên nhân chính là do tính cách không hòa hợp, thiếu tiếng nói chung. Cả hai đã có thời gian dài chung sống nhưng không thể giải quyết được mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, anh B vắng mặt không có lý do, không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn là có thật và đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung:

- Chị N và anh B có 01 con chung là cháu Huỳnh Ngọc Hoài A, sinh ngày 08/06/2014. Xét thấy, hiện cháu Hoài A đang sống ổn định cùng chị N và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Việc giao cháu cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoài A thể hiện tại bản tự khai của cháu Hoài A (bút lục 5) và đảm bảo sự ổn định cho sự phát triển của cháu. Anh B không có ý kiến hay

tranh chấp về việc nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của chị N, không trái quy định pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.3] Về tài sản chung, nợ: Chị N xác định không có và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ Điều 8, 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Văn Thị Kim N.

- Về hôn nhân: Chị Văn Thị Kim N được ly hôn với anh Huỳnh Văn B.

- Về con chung:

+ Giao con chung tên Huỳnh Ngọc Hoài A, sinh ngày 08/06/2014 cho chị Văn Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Văn Thị Kim N không yêu cầu anh Huỳnh Văn B cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí:

- Chị Văn Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006436 ngày 04/5/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1, Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Lương Hòa Lạc, Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 1

JE2160726.TL.QDBA 2621

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Tuyền